

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2024.
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Sơn, ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thanh V, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ C, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ C, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang

Nguyên đơn ông V, bị đơn bà A đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Ông V và bà A tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84, quyền số 01/2012 ngày 02/5/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Đến năm 2020 do bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn, nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên ông **V** khởi kiện yêu cầu ly hôn bà **Ã**. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông **V** có 02 con chung là **Nguyễn Huỳnh Ngọc H**, sinh 06/11/2012 và **Nguyễn Huỳnh Ngọc C**, sinh 04/3/2018, hiện các con đang sống với bà **Ã**.

Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng không có.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu **Nguyễn Huỳnh Ngọc H** có cung cấp ý kiến: Cháu có nguyện vọng được sống cùng bà **Ã**; bà **Ã** có lời khai đồng ý ly hôn ông **V**, tuy nhiên do bận công việc gia đình nên không tham gia phiên hòa giải và xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ biên bản xác minh **khóm C, phường C, thành phố C** được biết, bà **Ã** và ông **V** không còn chung sống với nhau.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng, cứ hòa giải về hôn nhân, con chung, tài sản chung giữa các đương sự nhưng ông **V**, bà **Ã** đều vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến cháu **H**.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, xét vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, cả hai xảy ra mâu thuẫn, không thể chủ động hàn gắn, bà **Ã** mặc dù đã được Tòa án triệu tập để hòa

giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà **Á** không đến và có văn bản thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông **V** yêu cầu ly hôn với bà **Á** là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, có hai con chung là **Nguyễn Huỳnh Ngọc H**, sinh ngày 06/11/2012 và **Nguyễn Huỳnh Ngọc C**, sinh ngày 04/3/2018, hiện đang sống cùng bà **Á**, ông **V** đồng ý giao hai con chung cho bà **Á** tiếp tục nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết cháu **Nguyễn Huỳnh Ngọc H** có ý kiến được sống cùng mẹ. Do đó để ổn định cuộc sống của con chung, việc tiếp tục giao hai con chung cho bà **Á** tiếp tục nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật, nguyện vọng của con nên chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung quá trình giải quyết bà **Á** không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông **V** được ly hôn với bà **Á**. Giao hai con chung cho bà **Á** tiếp tục nuôi dạy, ông **V** không phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. bị đơn cư trú trên địa bàn **thành phố C**. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân, ông **Nguyễn Thanh V** và bà **Huỳnh Thị Ngọc Á** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ**, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 quyển số 01/2012, ngày 02/5/2012 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông **V** yêu cầu ly hôn với bà **Á** với nguyên nhân vào năm 2020, phát sinh mâu thuẫn, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống. Xét vợ chồng có

nghĩa vụ phải yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, chung sống với nhau, với nguyên nhân mâu thuẫn mà ông V trình bày, bà A cũng đồng ý yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy vợ chồng ông V, bà A không còn yêu thương nhau, bỏ mặc nhau ai nấy sống, không muốn hàn gắn tình cảm, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung, ông V xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh 06/11/2012 và Nguyễn Huỳnh Ngọc C, sinh 04/3/2018. Ông V yêu cầu giao hai con chung cho bà A nuôi dưỡng, ông V không cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của con, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét giao hai con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc H và Nguyễn Huỳnh Ngọc C cho bà A nuôi dạy và chăm sóc. Bà A không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Bà A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, ông Nguyễn Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí

Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003519 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông V đã nộp đủ án phí. Bà Huỳnh Thị Ngọc A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V.

[1] Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Thanh V được ly hôn bà Huỳnh Thị Ngọc A.

[2] Về con chung, bà Huỳnh Thị Ngọc Á được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh 06/11/2012 và Nguyễn Huỳnh Ngọc C, sinh 04/3/2018 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị Ngọc Á cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm

Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003519 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông V đã nộp đủ án phí. Bà Huỳnh Thị Ngọc Á không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết ông V, bà Á có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thị Ngọc Hà